TÒA ÁN NHÂN DÂN. **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 720/HNGĐ-PT
Ngày: 15/8/2019.
V/v: "Tranh chấp xác định cha cho con, cấp dưỡng nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Châu Thị Điệp.

Các Thẩm phán: Bà: Phạm Thị Thu Phương.

Bà: Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Hồ Văn Cảm - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 "Tranh chấp xác định cha cho con, cấp dưỡng nuôi con"; Do bản án dân sự sơ thẩm số 601/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2251/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1984; Địa chỉ: 289/6 Ung V, phường A, B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1978; Địa chỉ: 235 lô III, cư xá T, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1983, địa chỉ: số 28, đường 36, khu phố D, phường Tâ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 03/6/2019)(có mặt).

Ông Nguyễn Anh D và bà Phạm Thị N có đăng ký kết hôn số 125 do Uỷ ban nhân dân phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/2009. Ông Dũng, bà Ninh có 02 con chung là Nguyễn Linh Ng (sinh ngày 27/7/2010) và Nguyễn Đức T (sinh ngày 13/8/2014).

Khoảng tháng 5/2017, ông Nguyễn Anh D có quan hệ tình cảm với bà Phan Thị Ngọc H. Khi phát hiện mang thai, bà H có báo cho ông D biết. Ông D yêu cầu bà H đi phá thai. Do tình trạng sức khoẻ không đảm bảo nên bà H đã không làm theo yêu cầu của ông D. Ngày 14/3/2018, bà H đã sinh được một bé trai đặt tên là Phan Nguyễn Bình A. Trích lục khai sinh số 289/TLK-BS ngày 08/10/2018 do Uỷ ban nhân dân Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp không có tên cha.

Ngày 19/9/2018, bà H có đơn khởi kiện, yêu cầu xác định trẻ Phan Nguyễn Bình An là con đẻ của ông Nguyễn Anh D và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D thừa nhận trẻ A là con ruột của ông. Hai bên không thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con: bà H yêu cầu mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng; ông D chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Ngày 28/3/2019, Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 24/4/2019.

Ngày 24/4/2019, bà H có đơn xin rút yêu cầu xác định cha cho con.

Bản án sơ thẩm số 601/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H:

1. Buộc ông Nguyễn Anh D cấp dưỡng nuôi trẻ Phan Nguyễn Bình A sinh ngày 14/03/2018 mức 2.000.000 đồng/tháng, thi hành ngay khi tuyên án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu xác định cha cho con của bà Phan Thị Ngọc H

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ thăm con, quyền thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 07/5/2019, bà có đơn kháng cáo, đề nghị xác định ông D là cha đẻ của trẻ An và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng.

Tại bản tường trình gửi cấp phúc thẩm, bà Hân cho rằng mục đích của bà là xác nhận ông Dg là cha của trẻ A để làm khai sinh cho trẻ có đủ cả cha và mẹ đồng thời yêu cầu ông D cấp dưỡng. Ngày 24/4/2019, trước khi mở phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán đã giải thích, cho rằng ông D đã nhận con nên yêu cầu xác nhận cha cho con của bà là thừa, đề nghị bà rút yêu cầu này. Bà đã làm theo hướng dẫn của Thẩm phán nhưng đến khi nhận bản án bà mới biết Toà án không ghi vào bản án việc xác định ông D là cha của trẻ A, cơ quan có thẩm quyền không thể ghi tên ông D vào khai sinh cho trẻ. Bà đề nghị Toà án xem xét lại toàn bộ bản án trên.

Tại phiên toà phúc thẩm: các đương sự thống nhất thoả thuận: xác nhận trẻ Phan Nguyễn Bình A là con đẻ của ông Nguyễn Anh D và bà Phan Thị Ngọc H; ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của bà H trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bà Phan Thị Ngọc H làm trong thời hạn, thuộc trưng hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án sơ thẩm số 601/2019//HNGĐ-ST ngày 24/4/21019 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung: Bà H cho rằng bà không tự nguyện rút yêu cầu xác định cha cho con, do không hiểu biết pháp luật nên bà đã viết đơn theo yêu cầu của Thẩm phán chủ toạ phiên toà sơ thẩm.

Xét thấy, không có căn cứ cho rằng bà H không tự nguyện rút yêu cầu xác định cha cho con mà có sự tác động của Thẩm phán chủ toạ sơ thẩm như bà Hân đã trình bày. Tuy nhiên, tại thời điểm này, ông D đang tồn tại quan hệ hôn nhân với bà Phạm Thị N, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Việc Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết quan hệ tranh chấp "xác định cha cho con" nhưng lại giải quyết yêu cầu "cấp dưỡng" buộc ông Nguyễn Anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Phan Nguyễn Bình A là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, không đảm bảo nguyên tắc Nhà nước bảo hộ hôn nhân một vợ, một chồng theo khoản 1 Điều 4 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quan hệ giữa ông Dũng, bà H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nếu không xác định ông là cha đẻ của trẻ A thì ông không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi trẻ. Cấp sơ thẩm buộc ông D cấp dưỡng nuôi con khi không xác định đứa trẻ là con của ông D là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân Gia đình "..nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con...";

Đồng thời, cấp sơ thẩm cũng không triệu tập bà Phạm Thị N là vợ hợp pháp của ông D tham gia tố tụng khi quyết định mức cấp dưỡng, sử dụng thu nhập trong thời kỳ hôn nhân là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Xét thấy, mối quan hệ của ông D, bà Hân không được pháp luật thừa nhận nhưng việc ông D thừa nhận trẻ A là con đẻ, không yêu cầu giám định ADN, người vợ hợp pháp của ông D không có ý kiến về việc thừa nhận này, nên có căn cứ xác định trẻ An là con đẻ của ông D và bà H. Trẻ Phan Nguyễn Bình A có quyền được khai sinh, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng… theo quy định tại Điều 13, 14, 15 Luật Trẻ em.

Tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cần nhanh chóng giải quyết vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ chưa thành niên, nên đã dành nhiều thời gian phân tích, hoà giải để các đương sự đi đến sự thoả thuận thống nhất vì khi và chỉ khi các đương sự thoả thuận giải quyết được toàn bộ vụ án thì bản án số 601/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh mới không bị huỷ để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là tự nguyện, bà Phạm Thị N là vợ hợp pháp của ông D cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý sự thoả thuận này. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bà H thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016 nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xác định cha cho con và cấp dưỡng nuôi con.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, 5 Điều 28, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 90, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 12, Khoản 5 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H. Sửa bản án sơ thẩm số 601/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1 Xác định trẻ Phan Nguyễn Bình A, sinh ngày 14/3/2018 là con đẻ của ông Nguyễn Anh D (sinh năm 1978) và bà Phan Thị Ngọc H (sinh năm 1984).

2.2 Ông Nguyễn Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Phan Nguyễn Bình A mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Anh D chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát

sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm trên số tiền phải hoàn trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông Dũng thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh D phải chịu án phí là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Ngọc H không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005669 ngày 24/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND, Cục THADS TP.HCM;
- TAND, THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/17)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp